

XÁC LẬP QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CÓ SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM: BÌNH LUẬN QUY ĐỊNH MỚI VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

ĐÀO MINH THU
PHẠM THỊ THU THỦY
Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 02/8/2026. Sửa chữa xong 03/9/2026. Duyệt đăng 10/9/2026.

Abstract

Works created with the use of artificial intelligence (AI) are transforming traditional modes of creativity and challenging existing legal concepts such as authorship, originality, and the relationship between human creativity and algorithmically generated outputs. For the first time, the Law Amending and Supplementing a Number of Articles of the Law on Intellectual Property (Law No. 131/2025/QH15) and Decree No. 134/2026/ND-CP dated 6 April 2026, amending and supplementing a number of articles of Decree No. 17/2023/ND-CP dated 26 April 2023, have established a relatively specific framework for determining copyright and related rights in products created through the use of artificial intelligence. This article analyzes the new provisions of these legal instruments, focusing on the requirement of substantial and decisive human contribution, the principle that products generated entirely by an AI system are not eligible for protection, the mechanism for determining authorship, the obligation to demonstrate the creative process, and issues concerning the use of input data for AI systems. Drawing on and comparing the approaches of the United States and the European Union, the article identifies potential issues that may arise in practice and proposes several directions for improving the transparency and effectiveness of copyright enforcement in the digital environment.

Keywords: AI; AI-assisted works; artificial intelligence; authorship; copyright; intellectual property.

1. Đặt vấn đề

Quyền tác giả là một bộ phận của nhóm quyền con người. Điều 27 Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người năm 1948 ghi nhận: “Mọi người đều có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, sáng tác nghệ thuật và tham gia hoạt động khoa học. Mỗi người đều có quyền được bảo vệ lợi ích tinh thần và lợi ích vật chất có được từ hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật mà mình là tác giả” (Dương Việt Anh, 2024). Điều 40 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó”. Những quy định trên cho thấy vấn đề quyền tác giả trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đóng vai trò quan trọng với sự phát triển của xã hội. Quyền tác giả đã khuyến khích con người cống hiến tài năng trí tuệ trong hoạt động sáng tạo và tạo ra các giá trị thương mại từ hoạt động đó. Như vậy, việc bảo hộ quyền tác giả sẽ tạo hiệu quả thúc đẩy sự sáng tạo, từ đó áp dụng sự sáng tạo đó vào lợi ích xã hội. Việc đảm bảo thực thi các quy định mà pháp luật ghi nhận về quyền tác giả chính là bảo vệ quyền tác giả chống lại các hành vi xâm phạm. Theo cách tiếp cận này thì bảo vệ quyền tác giả là một nội dung của bảo hộ quyền tác giả.

Thuật ngữ “trí tuệ nhân tạo” (Artificial Intelligence - AI) được đưa ra bởi John McCarthy tại hội thảo đầu tiên về chủ đề này vào năm 1956. Trí tuệ nhân tạo hay còn được gọi là trí tuệ máy móc, là một dạng trí tuệ được thực hiện bởi máy móc, trái với trí tuệ tự nhiên được thể hiện bởi con người (Nguyễn Trọng Luận, 2025). Những năm gần đây, AI phát triển nhanh và được ứng dụng đời sống kinh tế - xã

Email: ntsieuquay@gmail.com.

hội, mang lại nhiều lợi ích đáng kể nhưng đồng thời đặt ra không ít thách thức trong nhiều lĩnh vực, trong đó có quyền tác giả. Những sản phẩm có sử dụng AI đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong hoạt động sáng tạo truyền thống. Hệ thống AI có khả năng tạo ra văn bản, hình ảnh, âm nhạc, video, chương trình máy tính và nhiều loại nội dung khác với chất lượng ngày càng cao. Vấn đề đặt ra đối với pháp luật quyền tác giả là: khi một sản phẩm được tạo ra với sự tham gia của cả con người và AI, ai là tác giả và sản phẩm đó có được bảo hộ quyền tác giả hay không? Đây không đơn thuần chỉ là việc xác định chủ thể quyền mà là nguyên tắc, là tính nền tảng của pháp luật quyền tác giả: quyền tác giả được thiết kế nhằm bảo hộ hoạt động sáng tạo của con người hay có thể mở rộng tới kết quả do máy móc tự động tạo ra? Nếu coi mọi sản phẩm do AI tạo ra đều được bảo hộ thì hàng triệu nội dung có thể được sản xuất tự động với chi phí rất thấp và nhanh chóng được đặt dưới sự độc quyền của một số chủ thể. Ngược lại, nếu phủ nhận hoàn toàn khả năng bảo hộ đối với tác phẩm có sử dụng AI thì pháp luật lại không phản ánh thực tế sáng tạo hiện đại, bởi AI ngày càng trở thành một công cụ tương tự phần mềm chỉnh sửa ảnh, công cụ thiết kế hay các phương tiện kỹ thuật khác. Bởi vậy, vấn đề quan trọng không phải là quy định “bảo hộ sản phẩm có sử dụng AI” hay “không bảo hộ sản phẩm có sử dụng AI”, mà là xác định mức độ đóng góp của con người cần thiết để một sản phẩm đó vẫn được coi là kết quả của hoạt động sáng tạo của con người.

Các nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung vào khả năng bảo hộ tác phẩm do AI tạo ra hoặc xác định AI có thể trở thành tác giả hay không, rất ít tác giả phân tích trực tiếp các quy định mới của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật số 131/2025/QH15) và Nghị định số 134/2026/NĐ-CP1 dưới góc độ tiêu chí xác lập quyền tác giả, nghĩa vụ chứng minh và quản trị dữ liệu AI. Đây chính là khoảng trống mà bài viết hướng tới làm rõ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những quy định mới của pháp luật Việt Nam về sản phẩm có sử dụng AI

Thứ nhất, quy định mới đánh dấu sự thay đổi quan trọng khi chính thức đưa vấn đề AI vào hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ.

Khoản 2 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15, bổ sung khoản 5 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ “Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định việc phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này trong trường hợp đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo. Bằng quy định này, Luật mới đã bổ sung cơ sở pháp lý cho việc phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với đối tượng được tạo ra có sử dụng hệ thống AI, đồng thời Chính phủ quy định cụ thể.

Ngày 06/4/2026, Nghị định số 134/2026/NĐ-CP được ban hành sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2023/NĐ-CP2 về quyền tác giả, quyền liên quan. Điểm đặc biệt quan trọng của Nghị định này là việc bổ sung Điều 5a quy định trực tiếp về phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp đối tượng được tạo ra có sử dụng hệ thống AI. Quy định cho thấy pháp luật Việt Nam đã lựa chọn cách tiếp cận tương đối rõ ràng: AI có thể là công cụ tham gia vào quá trình sáng tạo nhưng AI không trở thành tác giả; quyền tác giả chỉ phát sinh khi con người vẫn giữ vai trò sáng tạo đáng kể và mang tính quyết định đối với kết quả cuối cùng. Cách tiếp cận này tạo ra bước tiến đáng kể, nhưng đồng thời làm xuất hiện những câu hỏi mới như thế nào là “đóng góp đáng kể”, thế nào là “mang tính quyết định”, một chuỗi câu lệnh phức tạp có được coi là sáng tạo hay không và bằng chứng nào đủ để chứng minh vai trò của con người.

Pháp luật thực định của nhiều nước cũng có cách tiếp cận tương tự. Có những nước chỉ rõ tác giả phải là tự nhiên nhân, như: Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Australia. Ở Hoa Kỳ, đối mặt với số đơn xin cấp

1) Chính phủ (2026). Nghị định số 134/2026/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217833>.

2) Chính phủ (2023). Nghị định số 17/2023/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan. <http://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207842>.

quyền tác giả cho AI ngày càng gia tăng, tháng 6/2023, Văn phòng Bản quyền của Hoa Kỳ đã ra Hướng dẫn đăng ký bảo hộ các tác phẩm do AI tạo ra, theo đó khẳng định thuật ngữ “tác giả” trong Hiến pháp và Đạo luật Quyền tác giả không bao gồm chủ thể không phải là tự nhiên nhân (Hồ Thúy Ngọc, 2025).

Nghị định số 134/2026/NĐ-CP đã ghi nhận khái niệm “đối tượng được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo”, thay vì mặc nhiên thừa nhận khái niệm “tác phẩm do AI sáng tạo”. AI được nhìn nhận như một hệ thống công nghệ được con người sử dụng trong quá trình hình thành đối tượng sở hữu trí tuệ. Điều 5a Nghị định số 17/2023/NĐ-CP sau khi được bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP là yêu cầu con người phải có đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào quá trình sáng tạo. Đây có thể xem là “phép thử về sự đóng góp của con người” trong pháp luật quyền tác giả Việt Nam đối với sản phẩm có sử dụng AI sáng tạo.

Nghị định đưa ra nhiều điểm có thể chứng minh đóng góp của con người, bao gồm cung cấp dữ liệu đầu vào hoặc tham số mang tính nguyên gốc; xây dựng tài liệu thiết kế đối với chương trình máy tính; thiết lập câu lệnh điều khiển AI; đánh giá và lựa chọn kết quả; chỉnh sửa hoặc can thiệp vào kết quả; lựa chọn, sắp xếp và tổ chức nội dung; đưa ra quyết định thể hiện ý đồ nghệ thuật hoặc kỹ năng.

Thứ hai, Điều 5a Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đặt ra điều kiện người sử dụng AI phải chịu trách nhiệm về nội dung và tính hợp pháp của đối tượng được tạo ra. Quy định này thiết lập sự cân xứng giữa quyền và trách nhiệm. Một người không thể vừa yêu cầu pháp luật công nhận mình là tác giả vì cho rằng mình kiểm soát quá trình sáng tạo, vừa phủ nhận trách nhiệm khi sản phẩm đó xâm phạm quyền của người khác bằng lý do “AI tự tạo ra”. Nếu cá nhân yêu cầu hưởng quyền tác giả trên cơ sở mình kiểm soát kết quả thì về nguyên tắc cá nhân đó cũng phải chịu trách nhiệm tương ứng đối với kết quả được lựa chọn và công bố. Đây là cách tiếp cận hợp lý trong việc phân bổ rủi ro pháp lý trong môi trường AI.

Thứ ba, sản phẩm có sử dụng AI không được gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan đối với đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào. Điều này cho thấy vấn đề quyền tác giả trong AI không chỉ tồn tại ở đầu ra (output) mà còn ở đầu vào (input). Một sản phẩm AI có thể đủ mức độ sáng tạo của con người để được xem xét bảo hộ nhưng vẫn có khả năng xâm phạm quyền đối với tác phẩm khác. Hai câu hỏi phải được tách biệt: sản phẩm mới có đủ điều kiện được bảo hộ hay không? quá trình tạo ra hoặc nội dung của sản phẩm đó có xâm phạm quyền của người khác hay không? Một tác phẩm đáp ứng điều kiện bảo hộ không đồng nghĩa với việc quá trình tạo ra tác phẩm đó chắc chắn hợp pháp.

Thứ tư, về nhóm sản phẩm AI và khả năng bảo hộ quyền tác giả: Từ Điều 5a có thể phân loại thực tiễn thành ba nhóm cơ bản:

(i) Sản phẩm hoàn toàn do AI tự động tạo ra: Nghị định số 134/2026/NĐ-CP đã quy định khá rõ đối với nhóm sản phẩm này. Một sản phẩm hoàn toàn do hệ thống AI tạo ra hoặc không đáp ứng yêu cầu về đóng góp đáng kể và mang tính quyết định của con người thì không phát sinh quyền tác giả. Cách tiếp cận này ngăn ngừa việc sử dụng AI để tạo hàng triệu sản phẩm rồi yêu cầu bảo hộ độc quyền đối với chúng.

(ii) Sản phẩm AI hỗ trợ sáng tạo: Trường hợp này con người có ý tưởng và kiểm soát hoạt động sáng tạo nhưng sử dụng AI để hỗ trợ một hoặc nhiều công đoạn để tạo ra tác phẩm (Ví dụ một nhà văn tự xây dựng cốt truyện và nhân vật nhưng dùng AI gợi ý cách diễn đạt; một kiến trúc sư dùng AI tạo nhiều phương án sơ bộ rồi tự lựa chọn và phát triển thiết kế; một nhà thiết kế dùng AI tạo một số chi tiết hình ảnh rồi chỉnh sửa và kết hợp thành sản phẩm cuối cùng). Việc sử dụng AI trong những trường hợp này không làm mất khả năng bảo hộ. Điểm cần xác định là phần sáng tạo của con người có đủ đáng kể và mang tính quyết định hay không. Đây là nhóm sản phẩm phổ biến hiện nay. Theo quy định hiện tại, Điều 5a Nghị định số 17/2023/NĐ-CP xác định người sáng tạo đáp ứng các điều kiện nói trên là tác giả của tác phẩm. Điều này có nghĩa AI không phải tác giả. Tác giả phải là người có đóng góp sáng tạo đáng kể và mang tính quyết định.

(iii) Sản phẩm khó xác định mức độ đóng góp sáng tạo của con người: Đây là nhóm sản phẩm nằm ở ranh giới giữa AI hỗ trợ sáng tạo và AI tạo sinh tự động³, trong đó việc xác định mức độ đóng góp đáng

3) AI tạo sinh tự động (generative AI) có thể hiểu là trường hợp hệ thống AI tạo ra nội dung như văn bản, hình ảnh, âm nhạc, video... với mức độ tự động cao, còn sự can thiệp sáng tạo của con người vào hình thức biểu đạt cuối cùng rất hạn chế hoặc không đáng kể.

kể và mang tính quyết định của con người thường phức tạp. Việc đánh giá không thể chỉ dựa trên số lượng thao tác hoặc câu lệnh mà phải xem xét bản chất và mức độ kiểm soát sáng tạo của con người đối với kết quả cuối cùng. “Việc xác định mức độ tham gia của trí tuệ nhân tạo cần tránh cách tiếp cận theo hướng định lượng kỹ thuật, vốn khó bảo đảm độ tin cậy và khả năng áp dụng thống nhất. Thay vào đó, việc đánh giá nên được đặt trên các tiêu chí pháp lý có thể kiểm chứng, bao gồm: quyền quyết định đối với cấu trúc và nội dung cốt lõi của tác phẩm; mức độ lựa chọn, loại bỏ và biến đổi các đầu ra do AI tạo ra; và việc hình thức biểu đạt cuối cùng có phản ánh ý chí sáng tạo độc lập của con người hay không” (Lê Thị Hồng Sáng, 2026).

Thứ năm, nghĩa vụ chứng minh: Người yêu cầu bảo vệ quyền đối với sản phẩm có sử dụng AI phải chứng minh quá trình sáng tạo của mình và kê khai trung thực việc sử dụng AI khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Tài liệu chứng minh có thể gồm dữ liệu đầu vào, tham số kỹ thuật, bản thảo, các phiên bản trung gian, lịch sử chỉnh sửa, lịch sử câu lệnh, dữ liệu tương tác và tài liệu mô tả quá trình sáng tạo. Quy định này làm thay đổi góc nhìn thực tiễn quản trị quyền tác giả. Đối với sản phẩm được sáng tác theo cách truyền thống, tác giả thường giữ bản thảo để chứng minh quá trình sáng tác. Đối với sản phẩm có sử dụng AI trong quá trình sáng tác, “nhật ký sáng tạo số” có thể là nguồn để chứng minh. Một nhà thiết kế muốn chứng minh quyền tác giả đối với hình ảnh có AI hỗ trợ có thể cần lưu lại: bản phác thảo ban đầu; hình ảnh đầu vào; các câu lệnh đã sử dụng; các phiên bản AI tạo ra; những phiên bản bị loại; các bước chỉnh sửa; và file cuối cùng. Những tài liệu này giúp cơ quan giải quyết tranh chấp tái dựng quá trình sáng tạo và xác định mức độ kiểm soát thực tế của con người. Trong tương lai, việc xây dựng quy trình lưu trữ bằng chứng sáng tạo AI có thể trở thành một bộ phận của quản trị tài sản sở hữu trí tuệ.

Thứ sáu, dữ liệu huấn luyện AI: Quy định mới là việc không chỉ điều chỉnh đầu ra mà còn quan tâm tới dữ liệu đầu vào được sử dụng cho AI để tạo ra tác phẩm. Luật số 131/2025/QH15 và Nghị định số 134/2026/NĐ-CP đã thiết lập các quy định liên quan đến sử dụng văn bản và dữ liệu được bảo hộ cho nghiên cứu, thử nghiệm và huấn luyện AI. Nghị định bổ sung các Điều 37a, 37b và 37c. Theo đó, việc sử dụng dữ liệu cho AI phải gắn với những điều kiện nhất định, trong đó có yêu cầu đối tượng phải được công bố hợp pháp, được tiếp cận thông qua hành vi và nguồn hợp pháp, đồng thời không được vô hiệu hóa biện pháp công nghệ bảo vệ quyền. Quy định này được thiết kế theo hướng giới hạn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, thử nghiệm và huấn luyện AI không nhằm mục đích thương mại, đồng thời phải bảo đảm không mâu thuẫn với việc khai thác bình thường của tác phẩm và không gây thiệt hại bất hợp lý cho chủ thể quyền.

Kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu cho thấy một số cách tiếp cận đáng tham khảo. Cụ thể: Theo Văn phòng Bản quyền của Hoa Kỳ (U.S. Copyright Office), Báo cáo Copyright and Artificial Intelligence, Part 2: Copyrightability năm 2025 tiếp tục khẳng định nguyên tắc “human authorship”, nghĩa là theo cách tiếp cận này, việc sử dụng AI như công cụ hỗ trợ không làm mất quyền tác giả. Những nội dung hoàn toàn do AI tạo ra hoặc phần nội dung mà con người không có đủ quyền kiểm soát đối với các yếu tố biểu đạt sẽ không được bảo hộ. Văn phòng Bản quyền của Hoa Kỳ cho rằng việc chỉ cung cấp prompt⁴, với công nghệ phổ biến hiện nay chưa đủ để tạo ra mức độ kiểm soát cần thiết đối với các yếu tố biểu đạt của kết quả. Tuy nhiên, sự lựa chọn, sắp xếp hoặc chỉnh sửa sáng tạo của con người đối với nội dung AI có thể được bảo hộ.

Cách tiếp cận của Việt Nam có điểm tương đồng với Hoa Kỳ ở việc duy trì yếu tố con người làm trung tâm. Thay vì chủ yếu dựa trên giải thích hành chính và thực tiễn đăng ký, Nghị định số 134/2026/NĐ-CP đã liệt kê cụ thể những dạng đóng góp của con người có thể được xem xét, từ dữ liệu đầu vào, câu lệnh, lựa chọn và chỉnh sửa cho đến quyết định nghệ thuật và kết quả cuối cùng. Đây có thể xem là cách tiếp cận mang tính quy phạm rõ hơn.

Tiếp cận ở góc độ rộng hơn, vấn đề quyền tác giả đối với sản phẩm có sử dụng AI ở Liên minh châu

4) Prompt là câu lệnh, yêu cầu hoặc tập hợp hướng dẫn mà người dùng cung cấp cho AI (hoặc một mô hình ngôn ngữ) để AI thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

Ấu không chỉ được xem xét từ góc độ xác định chủ thể quyền đối với sản phẩm đầu ra, mà còn được đặt trong tổng thể cơ chế quản trị AI và kiểm soát việc sử dụng tác phẩm, dữ liệu trong quá trình phát triển mô hình. Điều 53(1)(c) và (d) Quy định (EU) 2024/1689 về trí tuệ nhân tạo (AI Act) yêu cầu nhà cung cấp mô hình AI mục đích chung phải xây dựng chính sách tuân thủ pháp luật của Liên minh về quyền tác giả và quyền liên quan, đồng thời công bố bản tóm tắt đủ chi tiết về nội dung được sử dụng để huấn luyện mô hình. Đoạn dẫn số 107 trong phần mở đầu (Recital 107 của AI Act) nhấn mạnh rằng nghĩa vụ này nhằm tăng cường tính minh bạch đối với dữ liệu được sử dụng trong quá trình tiền huấn luyện và huấn luyện, bao gồm cả văn bản và dữ liệu được bảo hộ quyền tác giả, qua đó tạo điều kiện để chủ thể quyền thực hiện và bảo vệ quyền của mình. Bên cạnh đó, Điều 50 AI Act đặt ra các nghĩa vụ minh bạch đối với một số nội dung do AI tạo ra hoặc thao túng. Cách tiếp cận này có sự liên hệ với Điều 3 và Điều 4 Chỉ thị (EU) 2019/790 về quyền tác giả và quyền liên quan trong Thị trường số thống nhất, trong đó điều chỉnh hoạt động khai phá văn bản và dữ liệu (text and data mining) và ghi nhận cơ chế để chủ thể quyền bảo lưu quyền của mình. Như vậy, có thể nhận thấy xu hướng điều chỉnh của EU đang mở rộng vấn đề quyền tác giả trong thời đại AI từ câu hỏi truyền thống về việc “ai là tác giả” sang một cấu trúc quản trị rộng hơn, bao gồm tính hợp pháp của dữ liệu đầu vào, nghĩa vụ tuân thủ quyền tác giả trong quá trình huấn luyện, minh bạch về nguồn dữ liệu huấn luyện và khả năng nhận diện một số nội dung do AI tạo ra.

Qua so sánh có thể thấy, Việt Nam, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu đều chưa đi theo hướng thừa nhận AI là tác giả, mà tiếp tục duy trì vai trò trung tâm của con người trong cơ chế quyền tác giả. Tuy nhiên, điểm khác biệt nằm ở kỹ thuật điều chỉnh. Hoa Kỳ chú trọng tiêu chuẩn về quyền tác giả của con người và khả năng kiểm soát các yếu tố biểu đạt; EU đặt vấn đề quyền tác giả trong khuôn khổ quản trị AI rộng hơn, đặc biệt đối với dữ liệu huấn luyện và nghĩa vụ minh bạch; trong khi Việt Nam bước đầu cụ thể hóa các dạng đóng góp của con người có thể được xem xét khi xác định quyền đối với sản phẩm có sử dụng AI. Những khác biệt này cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho việc hướng dẫn áp dụng Điều 5a Nghị định số 134/2026/NĐ-CP trong thực tiễn.

2.2. Một số vấn đề đặt ra trong quá trình áp dụng Nghị định số 134/2026/NĐ-CP

Mặc dù cách tiếp cận xác định quyền tác giả dựa trên mức độ đóng góp sáng tạo của con người có nhiều ưu điểm, việc áp dụng trên thực tiễn vẫn đặt ra không ít thách thức. Trước hết, pháp luật hiện nay chưa xác định được một ngưỡng cụ thể để đánh giá thế nào là sự “đóng góp đáng kể và mang tính quyết định”. Về mặt nguyên tắc, quy định về tiêu chí này hợp lý nhưng còn trừu tượng, không cụ thể và vì thế, dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai áp dụng. Trong thực tế, có trường hợp người sử dụng liên tục điều chỉnh hàng chục câu lệnh (prompt) để AI tạo ra một tác phẩm theo đúng mong muốn nhưng không đóng góp đáng kể vào sự sáng tạo ra sản phẩm cuối cùng. Ngược lại, cũng có trường hợp chỉ sử dụng một prompt duy nhất, nhưng câu lệnh đó lại chứa đựng toàn bộ ý tưởng sáng tạo về bố cục, nhân vật, ánh sáng, màu sắc và phong cách thể hiện do chính người sử dụng thiết kế. Trong những tình huống như vậy, việc xác định mức độ đóng góp sáng tạo của con người vẫn thiếu một tiêu chí thống nhất, làm gia tăng nguy cơ áp dụng pháp luật không đồng nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, ranh giới giữa ý tưởng và hình thức thể hiện, nguyên tắc nền tảng của pháp luật quyền tác giả, cũng trở nên khó xác định hơn trong môi trường sáng tạo bằng AI. Về mặt nguyên tắc, quyền tác giả chỉ bảo hộ hình thức thể hiện chứ không bảo hộ ý tưởng. Tuy nhiên, prompt lại có thể tồn tại ở nhiều mức độ khác nhau. Một câu lệnh đơn giản như yêu cầu AI viết một câu chuyện trải nghiệm của cô gái lần đầu tiên đi du lịch ở châu Âu. Điều này, về bản chất mới chỉ thể hiện một ý tưởng, trong khi đó, những prompt được xây dựng rất chi tiết, mô tả cụ thể nhân vật, diễn biến, hội thoại, cấu trúc cốt truyện, bối cảnh và cách kết thúc có thể đã phản ánh sự lựa chọn và sắp xếp mang tính sáng tạo của người sử dụng. Vì vậy, không thể mặc nhiên coi mọi prompt đều chỉ là ý tưởng hoặc đều là hình thức thể hiện được bảo hộ mà cần đánh giá trên cơ sở nội dung cụ thể của từng trường hợp.

Một prompt có tính sáng tạo có thể tự thân đáp ứng điều kiện bảo hộ quyền tác giả, nhưng điều đó không nhất thiết làm cho người viết prompt trở thành tác giả của sản phẩm đầu ra do AI tạo ra. Vì

vậy, cần phân biệt khả năng bảo hộ đối với bản thân prompt với khả năng xác lập quyền tác giả đối với sản phẩm đầu ra. Một prompt có thể chứa đựng hình thức biểu đạt mang tính sáng tạo, nhưng điều đó không đương nhiên chứng minh rằng người viết prompt đã kiểm soát các yếu tố biểu đạt của sản phẩm do AI tạo ra.

Vấn đề giá trị chứng minh của ‘nhật ký sáng tạo số’ đối với quá trình tạo ra sản phẩm có sử dụng AI cũng cần được xem xét. Việc chứng minh quá trình hình thành tác phẩm trong môi trường AI phụ thuộc đáng kể vào khả năng lưu giữ lịch sử prompt, dữ liệu tương tác và các phiên bản chỉnh sửa. Trên thực tế, không phải nền tảng AI nào cũng cho phép lưu trữ đầy đủ các thông tin này; người sử dụng cũng có thể vô tình hoặc cố ý xóa dữ liệu, thay đổi tài khoản hoặc sử dụng nhiều nền tảng khác nhau trong cùng một quá trình sáng tạo. Điều đó khiến việc chứng minh mức độ đóng góp của con người trở nên phức tạp, đồng thời cho thấy sự cần thiết phải hình thành các chuẩn mực thực hành về lưu trữ và xác thực chứng cứ điện tử phục vụ việc xác lập, bảo vệ và thực thi quyền tác giả.

Việc xác định quyền tác giả đối với sản phẩm có AI hỗ trợ còn chịu tác động từ mối quan hệ giữa pháp luật sở hữu trí tuệ và điều khoản sử dụng của các nền tảng AI. Ngay cả khi pháp luật công nhận một cá nhân là tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, việc khai thác, sử dụng hoặc thương mại hóa sản phẩm vẫn có thể bị giới hạn bởi các cam kết hợp đồng giữa người sử dụng và nhà cung cấp dịch vụ AI. Do đó, cần phân biệt rõ quyền tác giả được xác lập theo quy định của pháp luật với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng sử dụng nền tảng, tránh nhầm lẫn giữa hai quan hệ pháp lý có bản chất khác nhau.

Việc công nhận quyền tác giả đối với phần đóng góp sáng tạo của con người cũng không đồng nghĩa với việc loại trừ hoàn toàn nguy cơ xâm phạm quyền của chủ thể khác. Trong quá trình tạo sinh, AI có thể tạo ra kết quả có mức độ tương đồng đáng kể với các tác phẩm đã tồn tại do ảnh hưởng từ dữ liệu huấn luyện hoặc dữ liệu đầu vào. Vì vậy, một sản phẩm vừa có thể đáp ứng điều kiện phát sinh quyền tác giả đối với phần sáng tạo mới của người sử dụng, vừa đồng thời tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền đối với tác phẩm có trước.

Một vấn đề khác cần được tiếp tục làm rõ là cơ chế sử dụng tác phẩm, dữ liệu được bảo hộ để huấn luyện các hệ thống AI, đặc biệt trong hoạt động có mục đích thương mại. Khi AI được phát triển trên cơ sở khai thác khối lượng lớn dữ liệu sáng tạo, việc bảo đảm khả năng thực hiện quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền và cân bằng lợi ích giữa chủ thể quyền với doanh nghiệp phát triển AI trở nên ngày càng quan trọng. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu cơ chế cấp phép, bảo lưu quyền, minh bạch dữ liệu huấn luyện và phân bổ lợi ích phù hợp.

2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện và tổ chức thực hiện

Trước hết, cơ quan quản lý quyền tác giả cần xây dựng hướng dẫn thống nhất về việc đánh giá mức độ đóng góp sáng tạo của con người đối với các tác phẩm được tạo ra với sự hỗ trợ của AI. Hướng dẫn này nên xác định một số nhóm tình huống điển hình để làm căn cứ áp dụng trên thực tiễn. Cụ thể, trường hợp AI chỉ thực hiện các thao tác mang tính kỹ thuật như sửa lỗi chính tả, ngữ pháp hoặc định dạng văn bản thì tác phẩm vẫn được coi là do con người sáng tạo. Trường hợp AI chỉ đóng vai trò gợi ý, còn con người trực tiếp quyết định nội dung, bố cục và quá trình thể hiện thì về nguyên tắc tác phẩm vẫn có thể được bảo hộ quyền tác giả. Đối với trường hợp AI tạo ra một phần nội dung nhưng con người thực hiện việc lựa chọn, biên tập, chỉnh sửa và bổ sung các yếu tố mang tính sáng tạo, phạm vi bảo hộ nên được xác định đối với phần đóng góp sáng tạo của con người cũng như cấu trúc tổng thể của tác phẩm nếu đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật. Ngược lại, nếu người sử dụng chỉ nhập một câu lệnh (prompt) đơn giản và sử dụng nguyên vẹn kết quả do AI tạo ra thì sẽ khó chứng minh được sự đóng góp sáng tạo đáng kể của con người để làm căn cứ xác lập quyền tác giả. Trường hợp toàn bộ sản phẩm được AI tạo ra một cách tự động mà không có sự tham gia sáng tạo của con người thì về nguyên tắc không làm phát sinh quyền tác giả.

Thứ hai, cần hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá vai trò của prompt trong xác định mức độ đóng góp

sáng tạo của con người. Không nên đồng nhất số lượng hoặc độ dài câu lệnh với tính sáng tạo, mà cần xem xét thực chất nội dung của prompt, mức độ cụ thể của các chỉ dẫn, quá trình tương tác và điều chỉnh, khả năng định hướng kết quả cũng như mức độ kiểm soát của người sử dụng đối với hình thức biểu đạt cuối cùng. Theo đó, prompt và lịch sử tương tác với AI, nhật ký sáng tác cần được xem là một trong những nguồn chứng cứ để đánh giá quá trình sáng tạo, chứ không phải căn cứ duy nhất để xác lập quyền tác giả.

Thứ ba, cần nghiên cứu bổ sung cơ chế kê khai minh bạch việc sử dụng AI trong thủ tục đăng ký quyền tác giả, nhằm hỗ trợ việc xác định tác giả và phạm vi đối tượng yêu cầu bảo hộ. Theo đó, người đăng ký nên xác định AI được sử dụng ở công đoạn nào, mức độ tham gia của AI và những phần của tác phẩm do con người trực tiếp sáng tạo hoặc có sự can thiệp sáng tạo đáng kể. Cơ chế này góp phần làm rõ phạm vi yêu cầu bảo hộ, đồng thời hạn chế tình trạng yêu cầu công nhận quyền tác giả đối với toàn bộ sản phẩm trong khi một phần đáng kể nội dung được AI tạo ra tự động.

Thứ tư, từng bước xây dựng chuẩn về lưu trữ hồ sơ của quá trình sáng tạo có sử dụng AI, đặc biệt đối với các doanh nghiệp và tổ chức thường xuyên ứng dụng AI như nhà xuất bản, hãng phim, công ty quảng cáo và doanh nghiệp công nghiệp sáng tạo. Hồ sơ có thể bao gồm dữ liệu đầu vào, lịch sử prompt và tương tác với hệ thống AI, các phiên bản trung gian, nội dung chỉnh sửa của con người và thông tin về người chịu trách nhiệm lựa chọn, chỉnh sửa hoặc phê duyệt sản phẩm cuối cùng. Những dữ liệu này có thể trở thành nguồn chứng cứ quan trọng khi phát sinh tranh chấp về quyền tác giả và phạm vi đóng góp sáng tạo của con người.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị dữ liệu được sử dụng để huấn luyện AI. Các quy định pháp lý không chỉ tập trung vào việc xác định quyền đối với đầu ra do AI tạo ra mà còn liên quan đến việc cân bằng lợi ích và phân bổ giá trị kinh tế giữa doanh nghiệp phát triển AI với các tác giả, chủ sở hữu quyền và chủ thể quản lý nguồn dữ liệu sáng tạo được sử dụng cho quá trình huấn luyện. Vì vậy, cần nghiên cứu các cơ chế cấp phép phù hợp, trong đó có cấp phép tập thể, cơ chế bảo lưu quyền có thể nhận diện bằng máy, nghĩa vụ minh bạch đối với dữ liệu huấn luyện và các mô hình phân chia lợi ích hợp lý. Cách tiếp cận này góp phần hình thành một khuôn khổ pháp lý cân bằng hơn giữa thúc đẩy đổi mới công nghệ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể sáng tạo.

Cuối cùng, trong quá trình áp dụng pháp luật cần thống nhất nguyên tắc AI là công cụ hỗ trợ, còn con người là chủ thể trung tâm của quyền tác giả. Một sản phẩm có giá trị kinh tế, có chất lượng cao hoặc mang hình thức tương tự một tác phẩm không đương nhiên làm phát sinh quyền tác giả. Yếu tố quyết định vẫn phải là sự hiện diện của hoạt động sáng tạo mang dấu ấn của con người trong quá trình hình thành sản phẩm cuối cùng. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm nền tảng truyền thống của pháp luật quyền tác giả, vừa tạo cơ sở để phân định hợp lý giữa tác phẩm do con người sáng tạo với nội dung được AI tạo ra tự động.

3. Kết luận

Nghị định số 134/2026/NĐ-CP đã bước đầu thiết lập khuôn khổ pháp lý cụ thể về quyền tác giả đối với sản phẩm được tạo ra có sử dụng trí tuệ nhân tạo. Quy định bảo hộ quyền tác giả trong trường hợp này dựa trên mức độ đóng góp và kiểm soát sáng tạo của con người với các nguyên tắc cơ bản là: AI không phải tác giả, việc sử dụng AI không làm mất quyền tác giả nếu con người vẫn đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào quá trình sáng tạo, sản phẩm hoàn toàn do AI tạo ra hoặc không thể chứng minh được mức độ sáng tạo cần thiết của con người thì không phát sinh quyền tác giả. Nghĩa vụ chứng minh quá trình sáng tạo thông qua dữ liệu đầu vào, lịch sử câu lệnh, nhật ký sáng tác và các tài liệu liên quan cho thấy pháp luật quyền tác giả đang chuyển từ việc chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng sang việc xem xét cả quy trình sáng tạo. Tuy nhiên, khi triển khai Điều 5a của Nghị định trong thực tế có thể phát sinh những khó khăn như hiểu thế nào là “đóng góp đáng kể”, “mang tính quyết định”, “kiểm soát sáng tạo” hay giá trị sáng tạo của prompt vẫn cần được cụ thể hóa thông qua hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Xem tiếp trang 238